

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn;  
và yêu cầu phân chia  
tài sản chung vợ chồng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Chiến

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Lê Văn Hoàng

Bà: Nguyễn Thị Lan Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hoàng – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Ông (bà) Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”; và Thông báo thụ lý bổ sung số 18/2024/TB-TA ngày 24 tháng 5 năm 2024 V/v “*Yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**; sinh năm: 2000

Trú tại: Tổ 3, thôn T, xã M, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Kiều Văn H**, sinh năm: 1998

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cả hai đều vắng mặt, có ý kiến xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày thì:* Bà và ông Kiều Văn H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau thời gian rồi đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2023 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Sau khi tổ chức đám cưới xong thì vợ chồng làm ăn sinh sống tại địa phương ở cùng bố mẹ chồng được khoảng 01 tháng thì bà về quê ở D thuê Kiốt mở tiệm may làm ăn sinh sống, lâu lâu mới về thăm gia đình bố mẹ chồng một hôm rồi lại về. Sau khi đám cưới khoảng 3 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tháng 7 năm 2023 thì không còn sống chung với nhau nữa; ly thân từ đó cho đến nay; không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không còn tôn trọng nhau

trong cuộc sống; luôn bất đồng quan điểm sống; mặc dù, cả hai có cố gắng cũng như gia đình hai bên có khuyên bảo duy trì hôn nhân nhưng không có kết quả; ngược lại, ngày càng tồi tệ hơn. Nay, bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được; nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kiều Văn H.

Về Con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tuy nhiên; đối với 3 cây vàng 24k quy đổi ra thành tiền là 180.000.000 đồng; đây là của hồi môn do họ hàng nội ngoại hai bên mừng đám cưới; ông H cho rằng đây là tài sản chung yêu cầu chia đôi và đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì bà cũng thừa nhận số tiền trên là tài sản chung vợ chồng. Nhưng bà chỉ tiêu cá nhân hết. Vì vậy, qua yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bà phải trả 90.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

*\* Tại các bản ghi lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án của bị đơn trình bày thì:* Về quan hệ hôn nhân và con chung giữa ông với bà Nguyễn Thị Kim T như lời khai trình bày của bà T nêu trên là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân đổ vỡ hạnh phúc gia đình một phần là do bà T không tôn trọng ông trong cuộc sống; tính tình ích kỷ, dẫn đến vợ chồng bất hoà sống với nhau được khoảng 01 thì ly thân. Nay, bà T làm đơn ly hôn thì ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn; có níu kéo cũng không có hạnh phúc. Nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Đối với tài sản chung là 03 cây vàng 24k là của hồi môn do hai bên nội ngoại mừng; sau khi đám cưới được 01 tháng thì vợ chồng đi D bán được 184.000.000 đồng; sau đó vào Ngân hàng ACB chi nhánh D gửi tiết kiệm 180.000.000 đồng đứng tên bà T; và cũng từ đây vợ chồng sống ly thân. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia đôi số tiền 180.000.000 đồng; Vì đây là tài sản chung vợ chồng, bà T sau khi bỏ về D đã tự ý tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, không có ý kiến trình bày gì thêm.

Tòa án không tiến hành hoà giải; đương sự không yêu cầu hoà giải.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước khi HĐXX vào phòng nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như công bố tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng bà T, ông H có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp; quá trình chung sống, hai bên thường xuyên mâu thuẫn. Hơn nữa, các bên đều đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX công nhận sự thoả thuận của đương sự.

Về tài sản chung: Số tiền 180.000.000 đồng; hai bên đều xác định đây là tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét chia đôi mỗi người một nửa số tiền trên.

Về con chung và nợ chung không có; nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được công bố, thẩm định, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Kiều Văn H có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sống chung sống chưa được 03 tháng thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Căn cứ theo quy định tại 51; 54 luật Hôn nhân gia đình và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định đây là vụ kiện “*Tranh chấp ly hôn và yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T và ông Kiều Văn H; bị đơn cư trú tại xã T, huyện Đ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Kiều Văn H có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nay, bà T làm đơn ly hôn và ông H đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T và bị đơn ông Kiều Văn H.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Kiều Văn H có chung số tiền 180.000.000 đồng; đây là của hồi môn do họ hàng hai bên mừng đám cưới. Ông H, bà T đều xác nhận đây là tài sản chung; sau khoảng 3 tháng chung sống với nhau thì vợ chồng thì ly thân; thực chất là sau khi tổ chức đám cưới được 01 tháng thì hai vợ chồng đi bán vàng gửi tiết kiệm đứng tên bà T thì vợ chồng đã ly thân; một mình bà T sử dụng số tiền trên. Nay ông H yêu cầu chia đôi số tiền trên. Do đó, xét yêu cầu của ông H là phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đối với ý kiến của bà T cho rằng số tiền trên là tài sản chung; nhưng không đồng ý chia đôi là vì bà đã chi tiêu cho việc thuê ki ốt; tiền đám cưới bạn bè, chi tiêu cá nhân; nhưng bà lại không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến của mình. Nghĩa vụ chứng minh thuộc về bà T. Do đó, cần buộc bà T phải trả cho ông H 90.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[5] Về con chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Do yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng của ông H được chấp nhận; nên buộc các bên phải nộp án phí tương ứng với phân giá trị tài sản được chia.

Vì các lẽ trên!

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 9, 33, 51, 55, 59, Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Áp dụng Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 203 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thoả thuận, thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T và bị đơn ông Kiều Văn H.

2. Về con chung và nợ chung: Không có

3. Về tài sản chung: Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho ông Kiều Văn H số tiền 90.000.000 đồng. (Chín mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.*

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và số tiền 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên tổng giá trị tài sản được chia. Tổng cộng là 4.800.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003427 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; bà Nguyễn Thị Kim T còn phải nộp tiếp số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc ông Kiều Văn H phải nộp số tiền 4.500.000. đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trên tổng giá trị tài sản được chia; nhưng được trừ vào số tiền 2.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003927 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; ông Kiều Văn H còn phải nộp tiếp số tiền 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/7/2024). Trường hợp vắng mặt thì thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án; hoặc được cấp tổng đạt, niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS. An văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hồng Chiến**